

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

H: 39
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học : [22433001] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2324E)

CBGD: Nguyễn Ngọc Châu (240016)

Số SV có mặt: 39..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Ngọc Châu

92
C. Châu
Nguyễn Ngọc Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123240172	Đàm Thị Mỹ An	02/12/2005	CCQ2324F		An	9,1	7,0	7,8
2	2123240165	Dương Nguyễn Khánh An	26/11/2005	CCQ2324F		An	8,6	7,0	7,6
3	2123240171	Nguyễn Thị Ánh	04/01/2005	CCQ2324F		Ánh	9,0	8,0	8,4
4	2122240166	Trần Quang Bình	30/04/2003	CCQ2224E		B	8,0	6,8	7,3
5	2123240181	Nguyễn Hải Đăng	04/02/2004	CCQ2324F		Đăng	9,3	7,7	8,3
6	2122240085	Nguyễn Thị Hồng Diễm	01/09/2004	CCQ2224C		Diễm	7,2	6,9	7,0
7	2123240169	Trần Châu Doan	16/08/2005	CCQ2324F		Doan	6,9	5,4	6,0
8	2123240176	Đinh Thị Thùy Dương	25/06/2005	CCQ2324F		Dương	9,7	7,7	8,5
9	2123240154	Văn Gia Hân	18/10/2005	CCQ2324E		Hân	8,7	8,5	8,6
10	2123240188	Nguyễn Thị Hiền	02/01/2004	CCQ2324F					
11	2123240184	Phạm Huỳnh Hoa	07/03/2002	CCQ2324F		Hoa	9,8	8,0	8,7
12	2123240167	Nguyễn Thị Xuân Huỳnh	30/07/2005	CCQ2324F		Huỳnh	9,1	7,3	8,0
13	2123240138	Lê Thị Ý Khuyên	06/09/2005	CCQ2324E		Khuyên	7,3	5,9	6,5
14	2123240159	Đỗ Thị Thùy Linh	22/11/2005	CCQ2324F		Linh	9,4	8,1	8,6
15	2123240178	Huỳnh Kim Ngân	02/04/2005	CCQ2324F		Ngân	9,8	7,4	8,4
16	2123240190	Nguyễn Bảo Gia Ngân	11/06/2005	CCQ2324F		Ngân	9,4	7,5	8,3
17	2123240174	Nguyễn Thị Thanh Ngân	03/06/1999	CCQ2324F		Ngân	9,7	7,2	8,2
18	2123240160	Lê Như Ngọc	05/08/2005	CCQ2324F		Ngọc	9,7	7,3	8,3
19	2123240170	Đặng Thị Yến Nhi	19/10/2005	CCQ2324F		Nhi	9,9	7,7	8,6
20	2123240180	Bùi Thúy Oanh	24/09/2005	CCQ2324E		Oanh	7,5	7,6	7,6
21	2122240194	Phạm Kim Phương	19/09/2004	CCQ2224F		Phương	9,4	7,9	8,5
22	2122240066	Vũ Thu Phương	23/01/2003	CCQ2224C		Phương	7,0	7,0	7,0
23	2123240133	Nguyễn Như Quỳnh	02/03/2005	CCQ2324E		Quỳnh	9,1	8,5	8,7
24	2123240151	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/11/2005	CCQ2324E		Quỳnh	8,0	8,2	8,1
25	2123240148	Trần Nguyễn Ngọc Quỳnh	21/06/2005	CCQ2324E		Quỳnh	7,8	8,0	7,9
26	2123240149	Nguyễn Thị Thẩm	07/07/2005	CCQ2324E		Thẩm	8,5	7,1	7,7
27	2123240158	Nguyễn Phước Thành	08/08/2005	CCQ2324F		Thành	8,9	8,1	8,4
28	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương Thảo	09/10/2005	CCQ2324F		Thảo	8,5	7,6	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433001] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2324E)

CBGD: Nguyễn Ngọc Châu (240016)

Số SV có mặt: 39..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Ngọc Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123240179	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/12/2005	CCQ2324F		<i>Thanh Thảo</i>	9,9	7,9	8,7
30	2123240168	Lê Nguyễn Duy Thịnh	29/04/2005	CCQ2324F		<i>Thịnh</i>	7,6	6,2	6,8
31	2123240206	Thị Thơm	26/08/2002	CCQ2324F		<i>Thơm</i>	7,9	5,9	6,7
32	2123240173	Lê Minh Thư	03/12/2005	CCQ2324F		<i>Thư</i>	9,0	7,3	8,0
33	2123240185	Vũ Minh Thư	16/08/2005	CCQ2324F		<i>Thư</i>	8,6	8,3	8,4
34	2123240128	Đoàn Văn Tiến	13/04/2005	CCQ2324E		<i>Tiến</i>	8,8	7,8	8,2
35	2122240107	Ông Thị Cẩm Trúc	05/01/2004	CCQ2224D		<i>Trúc</i>	7,4	6,9	7,1
36	2122240073	Lê Thị Ngọc Tuyền	11/05/2003	CCQ2224C		<i>Tuyền</i>	8,0	8,0	8,0
37	2123240182	Huỳnh Lê Tường Vi	20/05/2005	CCQ2324F		<i>Tường Vi</i>	9,9	8,9	9,3
38	2122240095	Trần Phạm Long Vũ	19/03/2004	CCQ2224D		<i>Vũ</i>	8,2	8,2	8,2
39	2123240175	Nguyễn Thị Diễm Vy	20/11/2005	CCQ2324F		<i>Vy</i>	8,8	7,4	8,0
40	2123240162	Nguyễn Thị Kim Xuyên	16/10/2003	CCQ2324F		<i>Xuyên</i>	9,0	8,6	8,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 60
H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433003] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2424C)
CBGD: Nguyễn Ngọc Châu (240016)

Số SV có mặt: 60..
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Ngọc Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Anh	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124240121	Trần Lê Hoài	Anh	18/10/2006	CCQ2424D			8,6	8,2	8,4
2	2124240076	Đoàn Thị Mỹ	Ánh	17/03/2005	CCQ2424C			7,0	6,0	6,4
3	2121110334	Trần Thanh	Bình	05/08/2003	CCQ2124F			8,6	8,5	8,5
4	2124240101	Triệu Linh	Chi	28/10/2006	CCQ2424C			6,6	7,2	7,0
5	2124240128	Đinh Bùi Thanh	Dân	28/10/2006	CCQ2424D			8,3	7,9	8,1
6	2124240073	Trần Thị	Diệu	07/01/2006	CCQ2424C			6,9	6,1	6,4
7	2124240114	Trần Thị Thùy	Dung	15/04/2006	CCQ2424D			9,2	8,1	8,5
8	2124240075	Hồ Thị Mỹ	Duyên	14/02/2006	CCQ2424C			8,0	7,2	7,5
9	2124240129	Lê Thị Mỹ	Duyên	04/03/2006	CCQ2424D			7,9	7,4	7,6
10	2124240103	Võ Thị Mỹ	Duyên	15/10/2006	CCQ2424C			7,3	6,3	6,7
11	2124240097	Nguyễn Thị Thu	Hà	27/12/2006	CCQ2424C					
12	2124240071	Nguyễn Bảo Gia	Hân	09/04/2006	CCQ2424C			7,5	7,8	7,7
13	2124240146	Bùi Trung	Hiếu	03/02/2006	CCQ2424D			6,4	6,7	6,6
14	2124240080	Nguyễn Thị	Hoa	09/03/2006	CCQ2424C			7,7	6,8	7,2
15	2124240094	Nguyễn Minh	Hương	06/07/2006	CCQ2424C			8,1	6,8	7,3
16	2124240098	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	04/12/2006	CCQ2424C			8,0	7,0	7,4
17	2124240085	Nguyễn Quang	Huy	16/02/2006	CCQ2424C			6,2	6,5	6,4
18	2124240150	Phạm	Khiêm	29/08/2006	CCQ2424D					
19	2124240126	Đặng Nhật	Linh	16/01/2006	CCQ2424D			7,6	6,3	6,8
20	2124240074	Võ Hoàng	Linh	25/08/2006	CCQ2424C			6,6	6,1	6,3
21	2124240088	Phan Tấn	Lộc	02/09/2005	CCQ2424C			7,2	6,8	7,0
22	2124240078	Đàm Thiêm	Mạnh	01/01/2005	CCQ2424C					
23	2124240149	Phan Đức	Mạnh	11/12/2001	CCQ2424D			10,0	9,1	9,5
24	2124240125	Nguyễn Thị Yến	Minh	04/04/2006	CCQ2424D			6,8	7,6	7,3
25	2124240099	Trần Ngọc Kỳ	Mỹ	09/01/2006	CCQ2424C			7,7	7,3	7,5
26	2124240082	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20/01/2006	CCQ2424C			7,5	7,1	7,3
27	2124240100	Phan Thị Thu	Ngân	17/08/2006	CCQ2424C			7,3	6,3	6,7
28	2124240109	Trần Kim	Ngân	17/08/2006	CCQ2424D			7,3	6,9	7,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433003] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2424C)

CBGD: Nguyễn Ngọc Châu (240016)

Số SV có mặt: 60

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Ngọc Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124240133	Vũ Hoàng Phương	Nghi	11/06/2006	CCQ2424D	<i>dghi</i>	7,7	7,5	7,6
30	2124240077	La Thị Thanh	Ngoan	08/10/2006	CCQ2424C	<i>Thanh</i>	8,4	8,0	8,2
31	2124240145	Lưu Trần Bảo	Ngọc	21/05/2006	CCQ2424D	<i>Ngoc</i>	8,9	7,5	8,1
32	2124240113	Nguyễn Triệu Khánh	Ngọc	01/01/2006	CCQ2424D	<i>Ngoc</i>	7,1	6,1	6,5
33	2124240132	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	13/12/2004	CCQ2424D	<i>Nguyet</i>	7,7	7,9	7,8
34	2124240131	Huỳnh Thiện	Nhi	22/04/2006	CCQ2424D	<i>Thien</i>	9,2	8,3	8,7
35	2124240083	Nguyễn Trần Ngọc	Như	15/05/2006	CCQ2424C	<i>Nhu</i>	6,0	6,6	6,4
36	2124240123	Đỗ Thành	Quan	13/06/2006	CCQ2424D	<i>Do</i>	6,5	6,3	6,4
37	2124240110	Nguyễn Phan Thảo	Quyên	27/09/2006	CCQ2424D	<i>Quyên</i>	7,1	7,4	7,3
38	2124240137	Nguyễn Chí	Thành	26/11/2003	CCQ2424D	<i>Chí</i>	7,3	6,9	7,1
39	2124240112	Bùi Ngọc Phương	Thảo	10/11/2006	CCQ2424D	<i>Phuoc</i>	8,3	8,6	8,5
40	2124240092	Lê Thị Diễm	Thảo	23/05/2006	CCQ2424C	<i>Diem</i>	7,7	7,5	7,6
41	2124240081	Le Xuân	Thảo	05/03/2005	CCQ2424C	<i>Thao</i>	7,7	8,0	7,9
42	2124240134	Huỳnh Thị Tấn	Thiện	21/03/2006	CCQ2424D	<i>Thien</i>	8,5	7,6	8,0
43	2124240102	Bùi Quốc	Thịnh	04/10/2006	CCQ2424C	<i>Thinh</i>	8,1	8,0	8,0
44	2124240104	Lê Lý Hưng	Thịnh	08/08/2006	CCQ2424C	<i>Hung</i>	7,2	7,0	7,1
45	2124240087	Nguyễn Văn	Thịnh	17/02/2006	CCQ2424C	<i>Vinh</i>	9,1	8,5	8,7
46	2124240120	Lê Nguyễn Anh	Thư	05/02/2005	CCQ2424D	<i>Anh</i>	8,0	7,7	7,8
47	2124240135	Trần Thị Anh	Thư	17/04/2006	CCQ2424D	<i>Anh</i>	7,4	7,0	7,2
48	2124240086	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	31/01/2006	CCQ2424C	<i>Anh</i>	8,2	7,8	8,0
49	2124240116	Nguyễn Tăng Thanh	Trà	08/07/2006	CCQ2424D	<i>Thanh</i>	7,9	7,0	7,4
50	2124240095	Nguyễn Phương	Trâm	13/08/2006	CCQ2424C	<i>Phuoc</i>	9,5	8,0	8,6
51	2124240115	Võ Quỳnh	Trâm	09/07/2006	CCQ2424D	<i>Phuoc</i>	7,8	7,0	7,3
52	2124240027	Quách Bảo	Trần	29/08/2006	CCQ2424D	<i>Phuoc</i>	7,5	7,6	7,6
53	2124240124	Lã Minh	Trí	12/11/2006	CCQ2424D	<i>Phuoc</i>	8,1	8,5	8,3
54	2124240091	Trần Thị Kiều	Trình	19/09/2004	CCQ2424C	<i>Phuoc</i>	9,2	8,3	8,7
55	2124240084	Trần Việt	Trình	31/03/2006	CCQ2424C	<i>Phuoc</i>	7,8	6,9	7,3
56	2124240096	Lê Ngọc Thanh	Trúc	03/03/2006	CCQ2424C	<i>Phuoc</i>	8,3	7,6	7,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433003] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2424C)
CBGD: Nguyễn Ngọc Châu (240016)

Số SV có mặt: 60..
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Ngọc Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2124240093	Vũ Thị Thanh	Trúc	26/07/2006	CCQ2424C		<i>Trúc</i>	6,8	5,9	6,3
58	2124240090	Bùi Đăng Quang	Trung	25/10/2005	CCQ2424C		<i>Quang</i>	8,9	8,5	8,7
59	2124240118	Hồ Nhật	Tường	27/03/2006	CCQ2424D		<i>Nguyệt</i>	8,7	8,1	8,3
60	2124240079	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	07/04/2006	CCQ2424C		<i>Tuyết</i>	8,1	7,4	7,7
61	2124240105	Đỗ Quốc	Việt	12/09/2006	CCQ2424C		<i>Việt</i>	8,6	8,0	8,2
62	2124240122	Trần Hoàng Khánh	Vy	23/12/2006	CCQ2424D		<i>Khánh</i>	8,2	7,5	7,8
63	2124240108	Trần Thảo	Vy	24/10/2006	CCQ2424D		<i>Thảo</i>	8,6	7,7	8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 51
H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and marks)
Đặng Minh Tuấn
T. Tuấn
94

Môn học : [22433005] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2424A)
CBGD: Đặng Minh Tuấn (240022)

Số SV có mặt: 51
Số bài thi: 51
Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ân	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124240030	Trần Thanh Thiên	Ân	15/04/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	7,8	8,2	8,0
2	2124240139	Đinh Thị Kim	Anh	29/07/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	8,8	7,4	8,0
3	2124240067	Huỳnh Thị Ngọc	Anh	20/06/2005	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	7,8	7,8	7,8
4	2124240117	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	12/10/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	7,0	7,8	7,5
5	2124240065	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/04/2003	CCQ2424B			0	0	0
6	2124240012	Trình Thị Huỳnh	Anh	12/10/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	7,4	7,0	7,2
7	2124240057	Vũ Nguyễn Quỳnh	Anh	22/09/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	7,2	7,4	7,3
8	2124240069	Vũ Duy	Bách	27/05/2004	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	9,4	9,6	9,5
9	2124240142	Nguyễn Duy	Bình	06/11/2002	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	7,2	7,6	7,4
10	2124240024	Vũ Thị Ngọc	Cầm	04/03/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	7,8	7,6	7,7
11	2124240052	Nguyễn Thành	Công	25/01/2003	CCQ2424B					
12	2124240060	Cáp Khánh	Hằng	06/07/2003	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	9,2	9,2	9,2
13	2124240025	Trần Tị	Hằng	03/02/1990	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	8,6	7,6	8,0
14	2124240043	Lâm Phước	Hiếu	19/08/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	8,4	8,2	8,3
15	2124240039	Dương Diệu	Hội	27/02/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	6,4	7,4	7,0
16	2124240032	Ngô Thị Thanh	Hương	12/02/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	7,8	7,8	7,8
17	2124240002	Phan Thanh	Kiên	01/01/2003	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	8,8	7,6	8,1
18	2124240023	Dương Nhật	Linh	05/02/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	8,8	8,4	8,6
19	2124240034	Trần Huỳnh Phương	Linh	04/04/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	7,0	7,6	7,4
20	2124240041	Trần Phúc	Lộc	24/02/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	9,0	7,0	7,8
21	2124240018	Nguyễn Trần Sương	Mai	02/10/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	9,0	7,6	8,2
22	2124240051	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	04/01/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	6,6	6,0	6,2
23	2124240047	Nguyễn Thị Thuý	Nga	02/05/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	8,0	8,2	8,1
24	2124240004	Nguyễn Thị Thuý	Nga	30/06/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	8,6	7,2	7,8
25	2124240064	Nguyễn Xuân	Nghi	19/11/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	8,4	7,4	7,8
26	2124240038	Trần Thụy Đông	Nghi	05/07/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	9,0	8,0	8,4
27	2124240026	Trần Khánh	Ngọc	14/11/2006	CCQ2424A		<i>(Signature)</i>	8,4	7,6	7,9
28	2124240070	Nguyễn Hương Thảo	Nguyên	04/04/2006	CCQ2424B		<i>(Signature)</i>	8,0	6,8	7,3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433005] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2424A)
CBGD: Đặng Minh Tuấn (240022)

Số SV có mặt: 51
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Đặng Minh Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124240022	Nguyễn Huỳnh Nương	Nhã	05/04/2006	CCQ2424A	Nhã	8,4	6,0	7,0
30	2124240017	Đoàn Thị Thu	Nhi	09/05/2005	CCQ2424A				
31	2124240009	Nguyễn Phương	Nhi	30/04/2006	CCQ2424A	Như	7,4	8,0	7,8
32	2124240045	Phạm Thị Trúc	Nhi	13/03/2006	CCQ2424B	Nhi	7,6	6,4	6,9
33	2124240031	Lê Thị Quỳnh	Như	27/09/2006	CCQ2424A		8,4	6,2	7,1
34	2124240028	Nguyễn Quỳnh	Như	15/06/2006	CCQ2424A	Như	7,8	6,8	7,2
35	2124240008	Đặng Thị Hồng	Nhung	08/02/2006	CCQ2424A		8,4	7,6	7,9
36	2124240019	Nguyễn Minh	Phương	29/01/2003	CCQ2424A	Kc	9,2	8,2	8,6
37	2124240127	Huỳnh Thị Mỹ	Tâm	10/12/2006	CCQ2424A	Same	8,6	7,0	7,6
38	2124240029	Nguyễn Thanh	Tâm	13/09/2005	CCQ2424A		0	0	0
39	2124240046	Phan Nguyễn Minh	Thư	30/05/2006	CCQ2424B	Thu	8,4	7,2	7,7
40	2124240005	Nguyễn Đào Châu	Thuận	14/02/2004	CCQ2424A		9,0	9,0	9,0
41	2124240013	Nguyễn Lê Phương	Thùy	08/09/2006	CCQ2424A	Thuy	9,0	7,4	8,0
42	2124240035	Ngô Minh	Tiến	25/10/2006	CCQ2424A		8,4	6,8	7,4
43	2124240006	Nguyễn Thị Thái	Tiến	28/11/2005	CCQ2424A	Thư	8,8	8,4	8,6
44	2124240040	Trần Phạm Minh	Trí	14/02/2005	CCQ2424B		0	0	0
45	2124240014	Nguyễn Thanh	Trúc	18/09/2006	CCQ2424A	Thư	9,0	7,8	8,3
46	2124240054	Đỗ Thành	Trung	15/08/2006	CCQ2424B		8,2	6,8	7,4
47	2124240048	Nguyễn Quốc	Trung	05/02/2003	CCQ2424B		8,6	7,0	7,6
48	2124240020	Lê Minh	Tuấn	01/10/2006	CCQ2424A	Thư	7,8	7,8	7,8
49	2124240063	Nguyễn Thị Diễm	Tươi	06/11/2006	CCQ2424B	Tươi	9,6	8,4	8,9
50	2124240003	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	25/09/1998	CCQ2424A		8,8	8,4	8,6
51	2124240058	Cao Thị Thúy	Vân	04/11/2004	CCQ2424B	Thư	9,8	9,2	9,4
52	2124240056	Hồ Thanh	Vân	24/08/2004	CCQ2424B	Vân	9,0	8,8	8,9
53	2124240143	Nguyễn Ngọc	Vũ	05/06/2006	CCQ2424B		9,2	8,8	9,0
54	2124240042	Nguyễn Thảo	Vy	14/10/2006	CCQ2424B		8,4	7,8	8,0
55	2124240037	Trần Thị Kim	Xuyến	03/01/2006	CCQ2424B		8,8	8,4	8,6
56	2124240007	Lâm Thị Như	Ý	01/06/2004	CCQ2424A		9,6	9,4	9,5